

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Việt Anh
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG
MỸ NGHỆ HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Việt Anh
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Việt Anh

MSV: 1313401009

Lớp: QTL701k

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng

HẢI PHÒNG - 2015

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Trình bày thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.

- Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng tài liệu kế toán của Công Ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng từ ngày

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công Ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài khóa luận được giao ngày:

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày:

Đã nhận nhiệm vụ khóa luận tốt nghiệp

Đã giao nhiệm vụ khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Việt Anh

Hải phòng ngày...tháng...năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần và thái độ của sinh viên trong quá trình làm luận án tốt nghiệp

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ luận án tốt nghiệp trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013
Cán bộ hướng dẫn

LỜI MỞ ĐẦU

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh những hàng hóa dịch vụ giữa các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế ngày càng khốc liệt hơn nhất là khi Việt Nam ra nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này đem lại nhiều cơ hội cũng như thử thách lớn cho các doanh nghiệp. Do đó mỗi doanh nghiệp cần có những biện pháp phát huy tiềm năng của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Bởi vậy, hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại nói riêng luôn đạt ra với mục đích nhằm tổ chức khoa học, hợp lý làm cơ sở cho các thông tin kế toán cung cấp đảm bảo tính đúng đắn và đáng tin cậy.

Xuất phát từ tầm quan trọng của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cùng với vận dụng lí luận đã học tại trường kết hợp thực tế tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng, đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương cùng với cán bộ nhân viên trong công ty em chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng” làm khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung của khóa luận tốt nghiệp của em kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1 : Những vấn đề lí luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ HP

Chương 3 : Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ HP.

Với thời gian thực tập tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng. Em hy vọng những ý kiến trong bài viết sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015

Sinh viên

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu

☆ **Khái niệm**

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và thu phí thêm ngoài giá bán(nếu có).
- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh số của sản phẩm hàng hóa trong nội bộ doanh nghiệp. doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.
- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư và công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỉ giá hối đoái.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyên nhượng vốn.
 - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác
- *Thu nhập khác*

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lí TSCĐ.
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

☆ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- *Chiết khấu thương mại*: Là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.
- *Giá trị hàng bán bị trả lại*: Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.
- *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ cho người mua hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu
- *Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp*:
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành giá bán sản phẩm.
 - Thuế xuất khẩu là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.
 - Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng.
 GTGT của hàng hóa dịch vụ = doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra – giá vốn hàng bán, dịch vụ bán ra.

1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp

☆ **Khái niệm**

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn toàn hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

☆ **Phân loại chi phí**

Chi phí doanh nghiệp bao gồm:

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kì.
- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm:
 - “Chi phí nhân viên”: phản ánh các khoản trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...
 - “Chi phí vật liệu, bao bì”: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển sản phẩm,... dùng cho bộ phận bán hàng.
 - “Chi phí dụng cụ, đồ dùng”: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...
 - “Chi phí khấu hao TSCĐ”: phản ánh chi phí khấu hao ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng,...
 - “Chi phí bảo hành” phản ánh các khoản chi phí dùng để bảo hành sản phẩm, hàng hóa.
 - “Chi phí dịch vụ mua ngoài”: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi,...

- “ Chi phí bằng tiền khác”: phản ánh các chi phí bằng tiền mặt khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giurói thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng,...
- *Chi phí quản lí doanh nghiệp* : Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung cuat toàn bộ doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:
 - “ Chi phí nhân viên quản lý” : phản ánh các khaorn phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khaorn phụ cấp, bảo hiểm xã hội, abor hiểm y tế, kinh phí công đoàn của ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.
 - “ Chi phí vật liệu quản lý” :phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm..., vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ dụng cụ (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).
 - “ Chi phí đồ dùng văn phòng” : phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lí.
 - “ Chi phí khấu hao TSCĐ” : phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc,...
 - “ Thuế, phí và lệ phí” : phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuế đất,... và các khoản phí lệ phí khác.
 - “ Chi phí dự phòng” : phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
 - “ Chi phí dịch vụ mua ngoài” : phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp.
 - “ Chi phí bằng tiền khác” : phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...
- *Chi phí hoạt động tài chính*: bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.
- *Chi phí khác*: phản ánh những khoản phát sinh do cácsự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp
Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lí nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lí, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
 - Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào các công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
 - Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
 - Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
 - Các khoản chi phí khác.
- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:*

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.3. Kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động kinh doanh: Là biểu hiện số tiền lãi lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:
 - Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.
 - Hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.
 - Hoạt động khác là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.
- Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & & & & & & \\ \text{hoạt động} & & & & & & \\ \text{sản xuất} & & & & & & \\ \text{kinh doanh} & = & \text{Doanh thu thuần} & - & \text{Giá} & - & \text{Chi phí} & - & \text{Chi phí} \\ & & \text{về bán hàng và} & & \text{vốn} & & \text{bán hàng} & & \text{quản lý} \\ & & \text{cung cấp dịch vụ} & & \text{bán} & & & & \text{doanh} \\ & & & & \text{hàng} & & & & \text{kinh doanh} \\ & & & & & & & & \text{ng nghiệp} \end{array}$$

Trong đó

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng nhất đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.
- Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sản phẩm sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình sản xuất, tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngoài ra doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Nhưng nếu doanh thu không đủ để bù đắp các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra thì doanh nghiệp có thể gặp khó khăn về mặt tài chính.
- Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu. Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hoặc lỗ.
- Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng và rất cần thiết trong doanh nghiệp. Giúp nhà quản lý nắm bắt tình hình hoạt động và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- + Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình biến động đối với từng sản phẩm bán ra theo số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã....
- + Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- + Phản ánh ghi chép đầy đủ các khoản thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh cuối kỳ, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.
- + Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- + Theo dõi chi tiết riêng biệt từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.
- + Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí cửa rừng hoạt động và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- + Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- + Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- + Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- + Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14 – Bán hàng và công bố theo quyết định số 149/ QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng

bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
 - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến bán hàng;
- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch với chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- **Nguyên tắc khi hạch toán doanh thu**
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT
 - Đối với sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu)
 - Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.
 - Đối với hàng hóa nhận bán đại lí, kí hửì theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán và doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo giá bán trả một lần không bao gồm lãi trả góp, và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.
 - Những sản phẩm hàng hóa được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật,... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá hàng bán và đã được doanh nghiệp chấp nhận, hoặc người mua mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng được theo dõi riêng biệt trên tài khoản “chiết khấu thương mại”, tài khoản “giảm giá hàng bán” và tài khoản “hàng bán bị trả lại”.
 - Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và thu tiền hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì giá trị số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi nhận vào tài khoản 511” doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua hàng thì hạch toán vào tài khoản 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền hàng, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu.
 - Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm thuê tài sản.
 - Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, nghĩa là chỉ phản ánh doanh thu nội bộ số doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của đơn vị thành viên cung cấp cho nhau. Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của các đơn vị thành viên.
 - Việc ghi nhận một khoản doanh thu tương ứng với nó là một khoản chi phí tạo ra doanh thu đó.
- **Các phương thức bán hàng:**
- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho (hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Khi giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, doanh nghiệp đã nhận được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua, giá trị của hàng hóa đã hoàn thành, doanh thu bán hàng à cung cấp dịch vụ đã được ghi nhận.
 - *Phương thức gửi hàng cho khách hàng:* Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã kí kết. Số

hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- *Phương thức bán hàng qua đại lí:* Đối với đơn vị có hàng ký gửi(chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lí hoặc các đơn vị nhận hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lí hoặc bên nhận kí gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá kí gửi của số hàng thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng. Đối với đại lí hoặc đơn vị nhận bán hàng kí gửi: số sản phẩm, hàng hóa nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lí chính là khoản hoa hồng được hưởng.
- *Phương thức bán hàng trả chậm trả góp:* Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở đầu kỳ kế tiếp theo và chịu một tỉ lệ lãi suất nhất định.
- *Phương thức hàng đổi hàng:* Là phương thức bán hàng doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa để đổi lấy hàng hóa khác không tương tự, giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hóa, vật tương tự trên thị trường.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (đối với đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).
- Hợp đồng kinh tế.
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác.

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511- “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ có 4 tài khoản cấp 2 (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

- TK 5111- doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112- doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113- doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5117- doanh thu kinh doanh bất động sản

- Kết cấu tài khoản

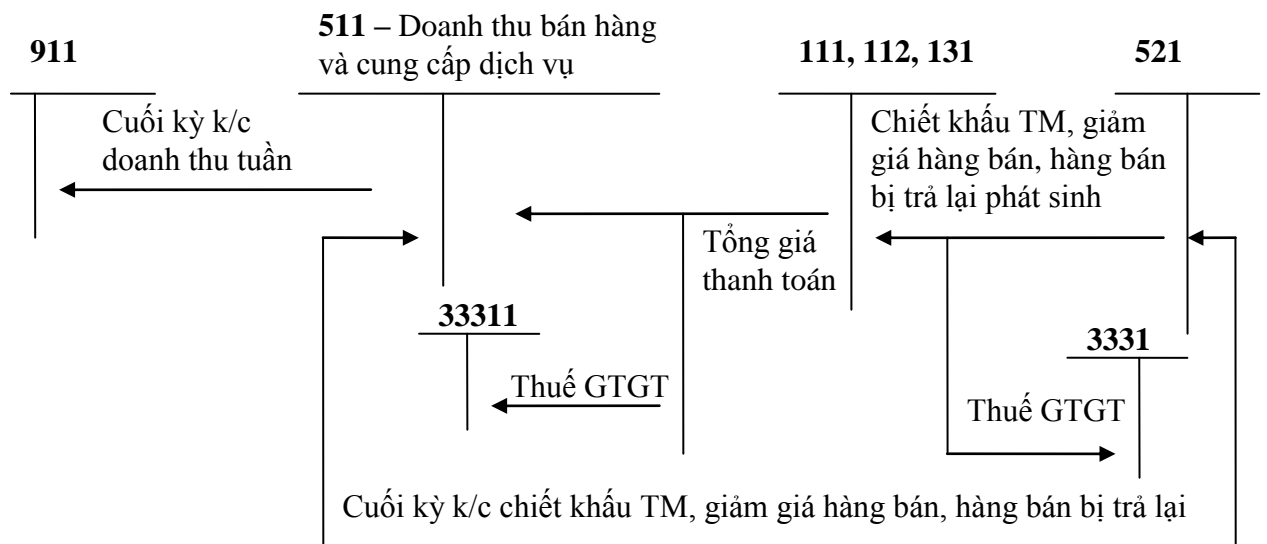
Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”

<ul style="list-style-type: none"> ⊗ Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ ⊗ Số giảm giá bán và doanh thu bán hàng bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu ⊗ Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> ⊗ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



1.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
 - Hợp đồng mua bán hàng hóa
 - Các chứng từ liên quan như: phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho hàng bị trả lại...
- Tài khoản sử dụng:
 (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
 Tài khoản 521- “ các khoản giảm trừ doanh thu “ có 3 tài khoản cấp 2
 - ★ TK 5211- chiết khấu thương mại
 - ★ TK 5212- hàng bán bị trả lại
 - ★ TK 5213- giảm giá hàng bán
- Kết cấu tài khoản

Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”

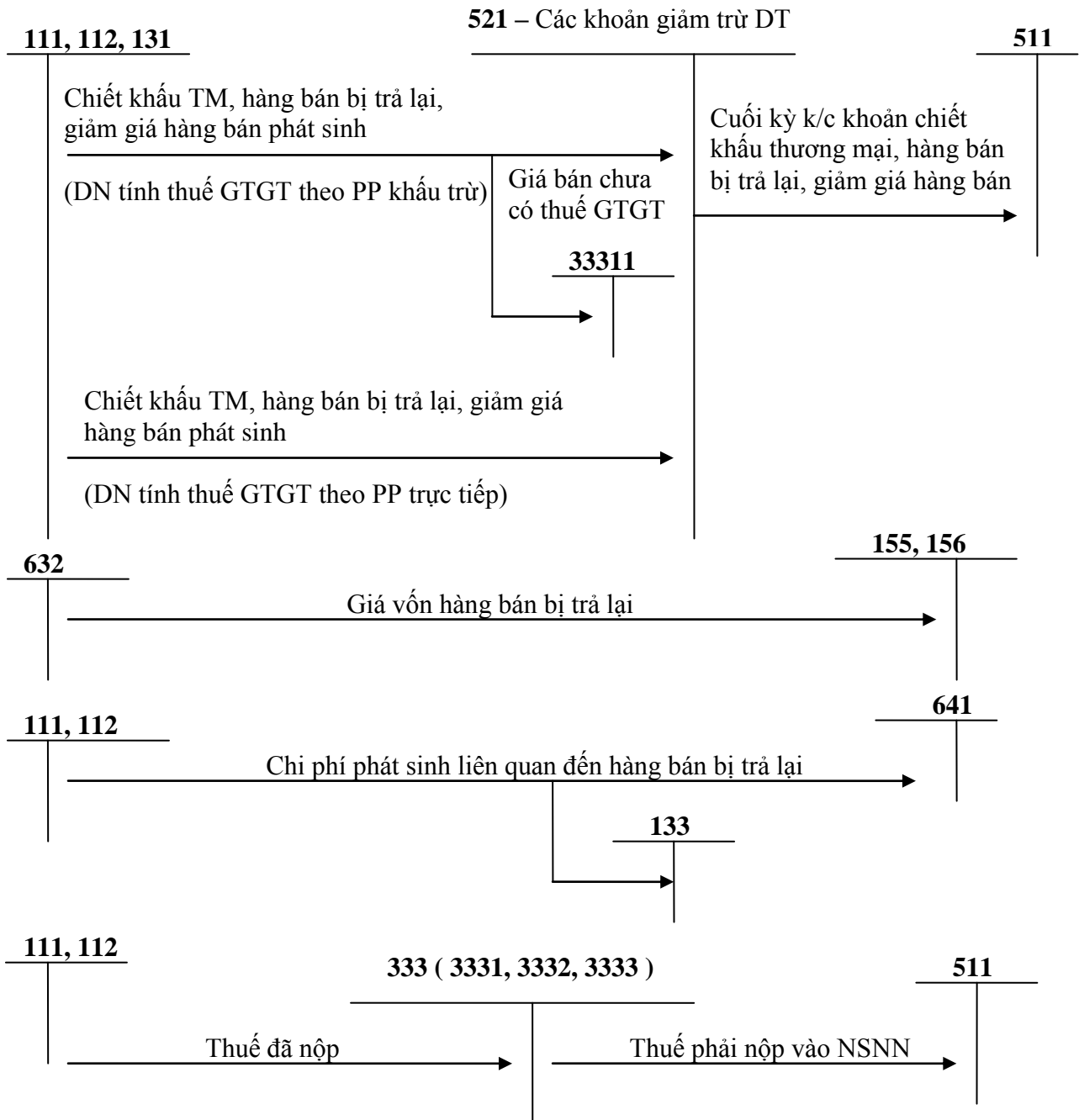
<ul style="list-style-type: none"> ⊗ Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra ⊗ Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng 	<ul style="list-style-type: none"> ⊗ Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

- Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.2 :

Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu
(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán

- Khái niệm

Giá vốn hàng bán: là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

- Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán :Phương pháp bình quân gia quyền
 - + *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá GBC,HH tồn đầu kì} + \text{trị giá GBC,HH nhập trong kì}}{\text{Số lượng GBC,HH tồn đầu kì} + \text{số lượng GBC,HH nhập trong kì}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

- + *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:*

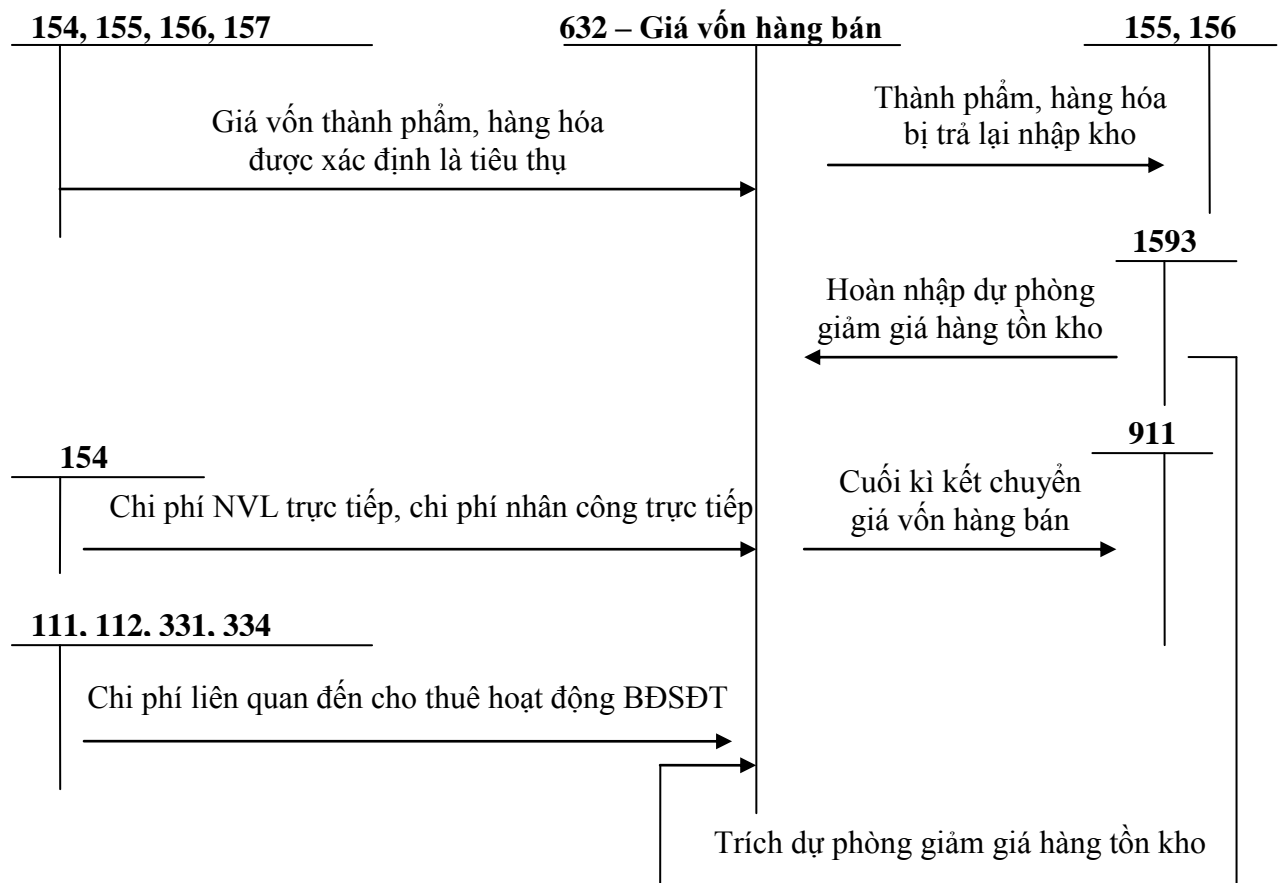
$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế GBC,HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng GBC,HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được nhược điểm hạn chế của phương pháp trên, nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng xuất ít.

- + *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):* Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kì hoặc gần cuối kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kì còn tồn kho.
- + *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):* Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kì là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kì hoặc gần đầu kì.
- + *Phương pháp giá thực tế đích danh:* theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tối nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu xuất kho
 - Phiếu kế toán
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Các chứng từ liên quan khác
- Tài khoản sử dụng: tài khoản 632 “ giá vốn hàng bán “
- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán
(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

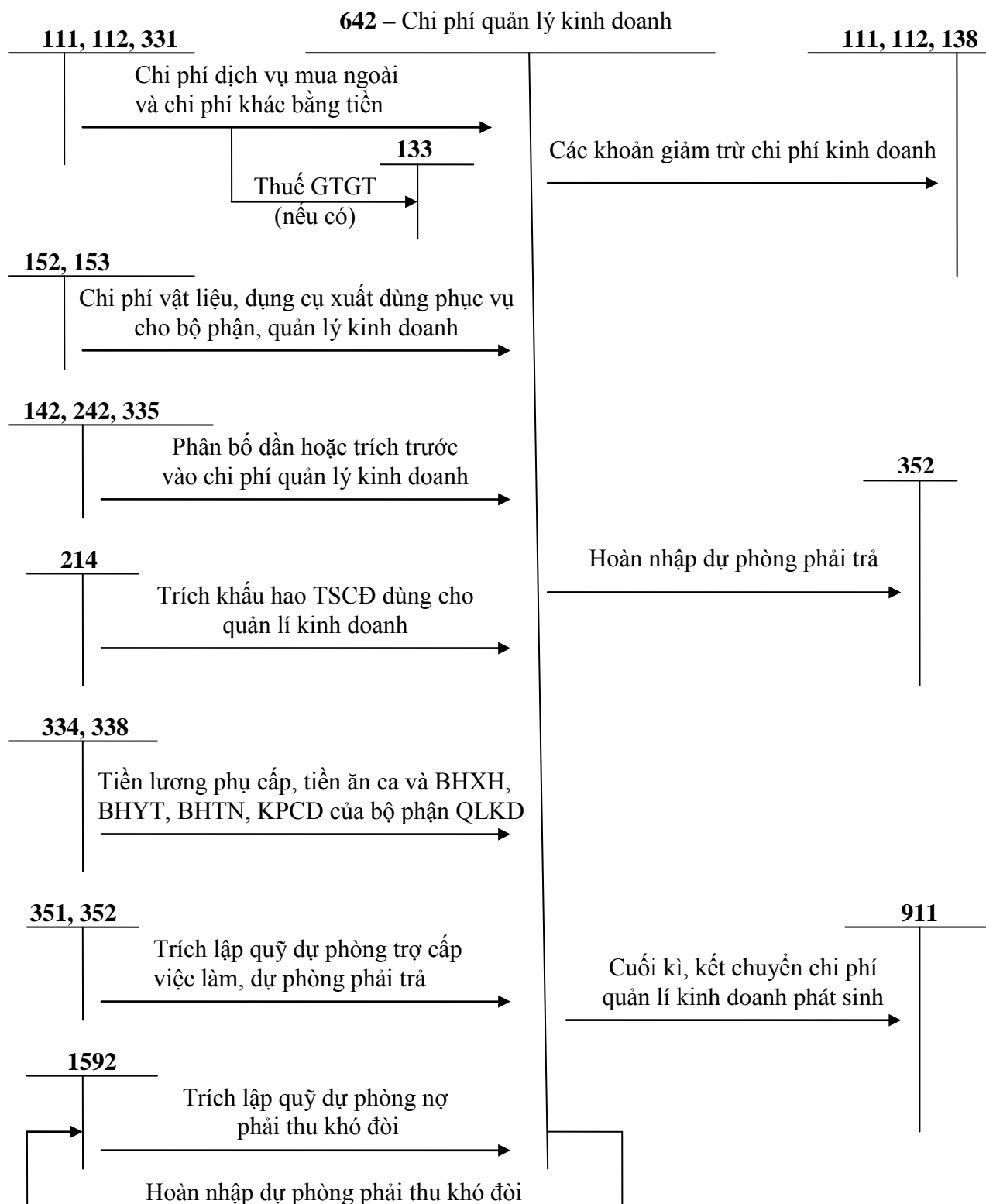


1.4.4. Kế toán chi phí quản lí kinh doanh

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
 - Bảng phân bổ công cụ dụng cụ
 - Bảng thanh toán lương
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
 - Phiếu chi, giấy báo nợ
 - Các chứng từ liên quan khác

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642 – “ Chi phí quản lí kinh doanh”
- Phương pháp hạch toán:

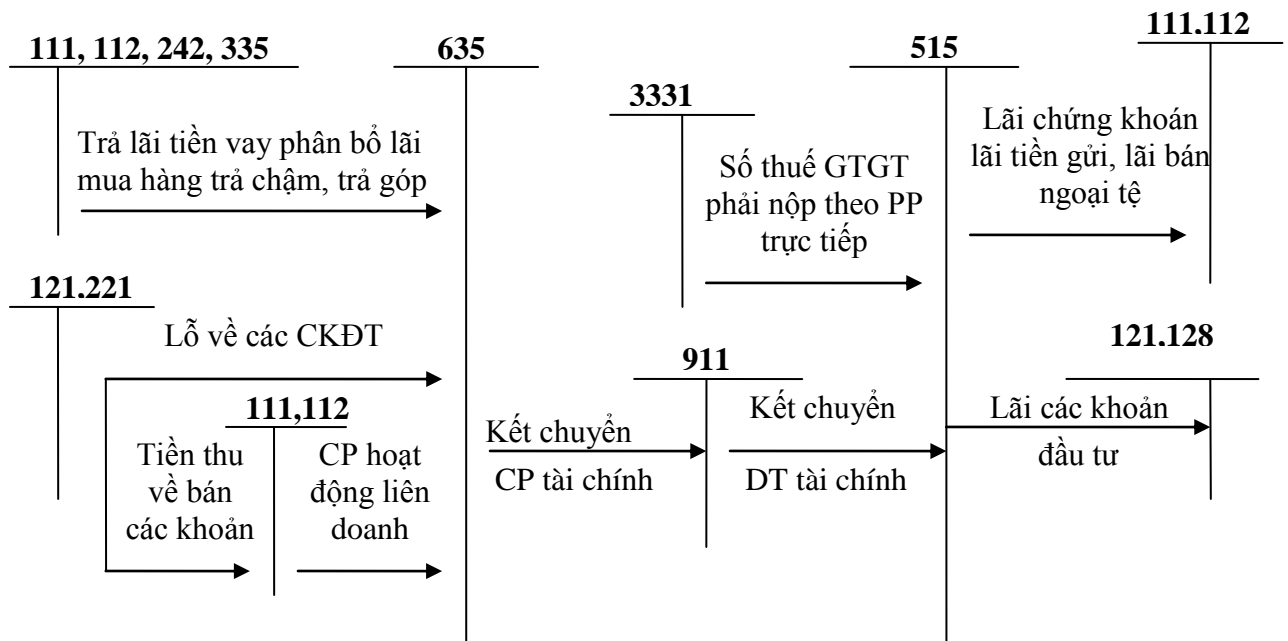
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lí kinh doanh
(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



1.4.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

- Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu chi và các chứng từ có liên quan
- Tài khoản sử dụng :
 - Tài khoản 635 “ chi phí tài chính”
 - Tài khoản 515 “ doanh thu hoạt động tài chính”
- Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính
(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



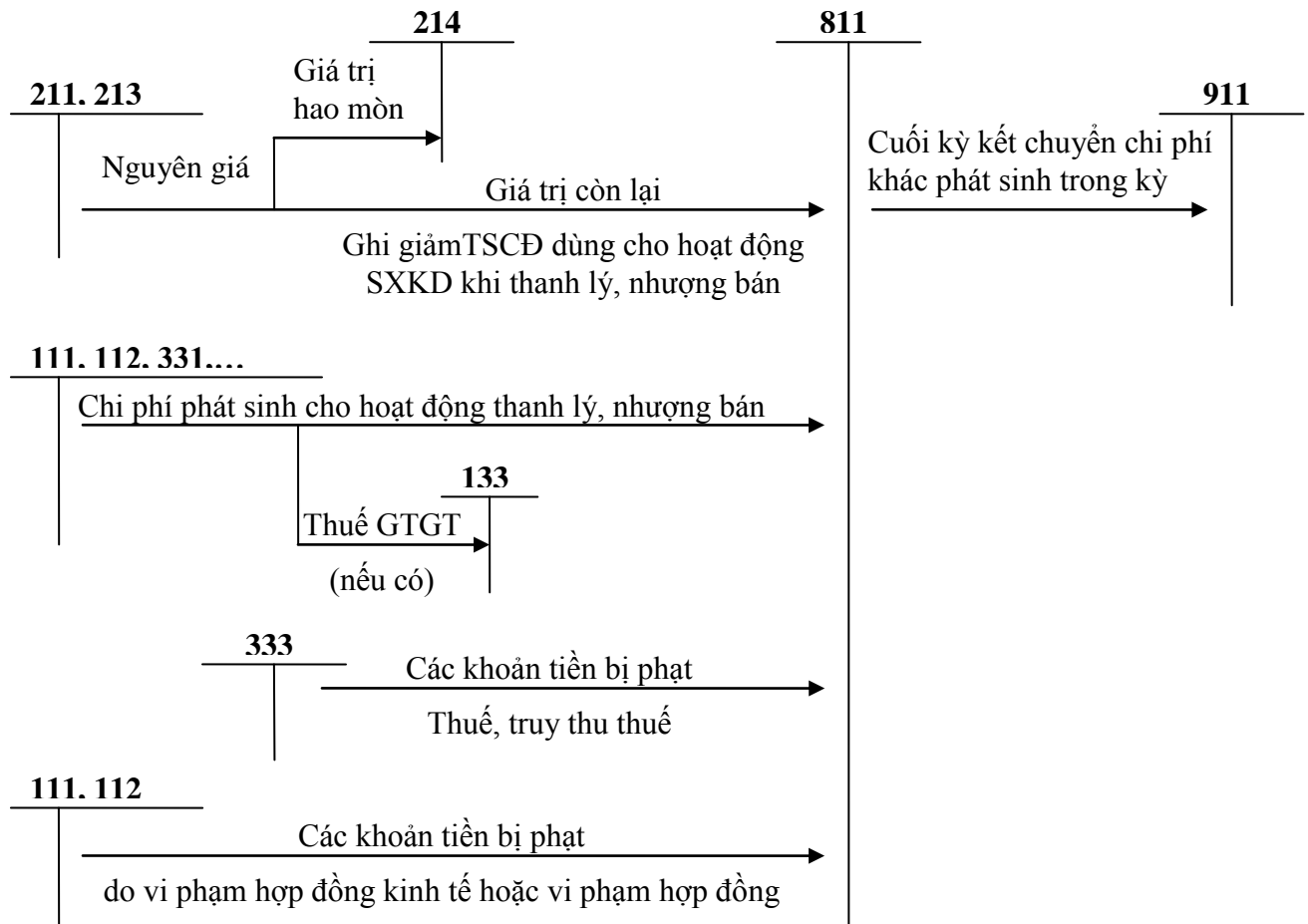
1.4.6. Kế toán chi phí khác và thu nhập khác

☆ **Kế toán chi phí khác**

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán: phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ liên quan khác

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 811 “ chi phí khác”
- Phương pháp hạch toán:

SƠ ĐỒ 1.6: KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC
(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

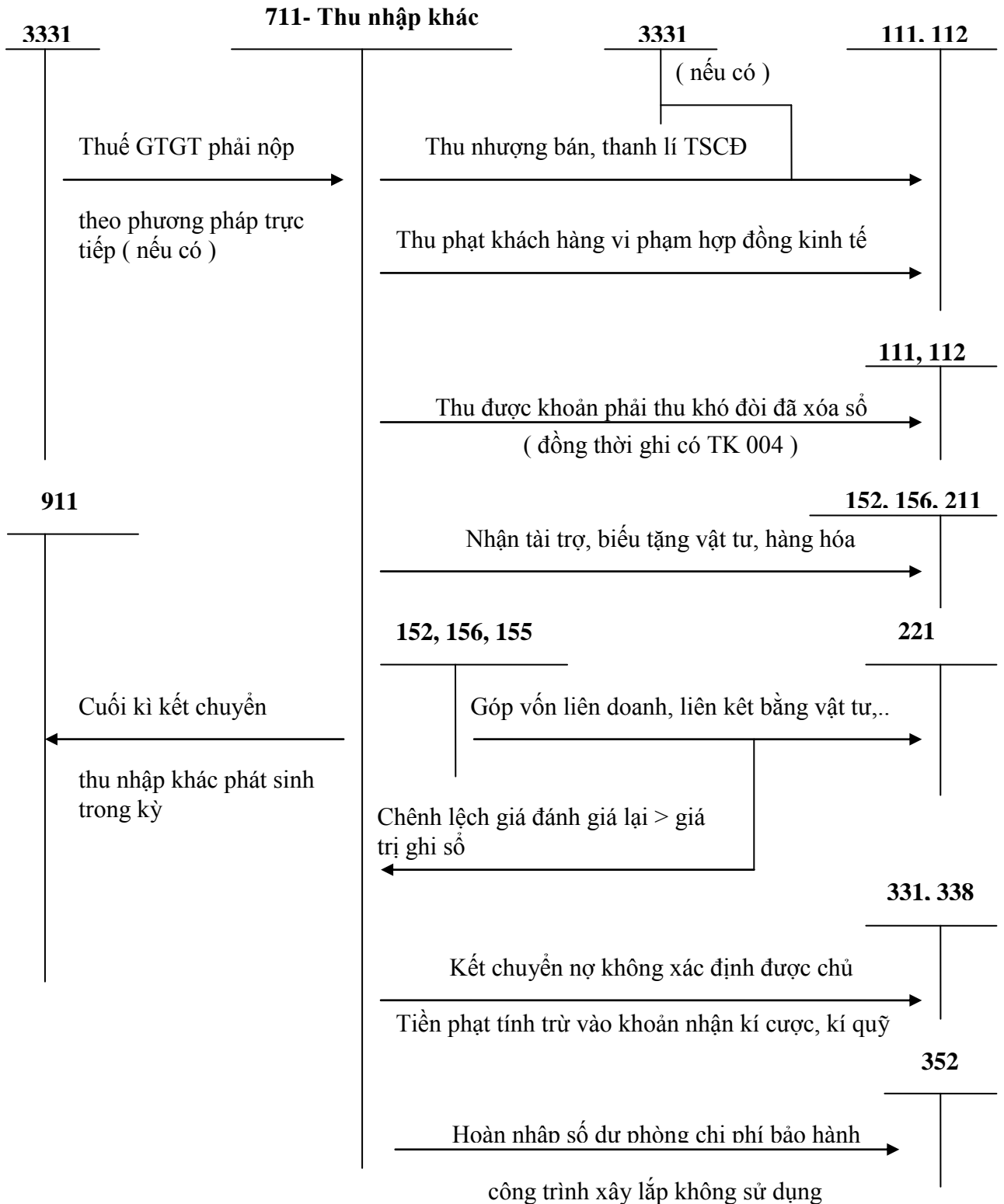


☆ **Kế toán thu nhập khác doanh nghiệp**

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
 - Các chứng từ liên quan khác như: biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế...
- Tài khoản sử dụng: tài khoản 711 “ thu nhập khác”
- Phương pháp hạch toán

SƠ ĐỒ 1.7.

KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC
(Theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC)

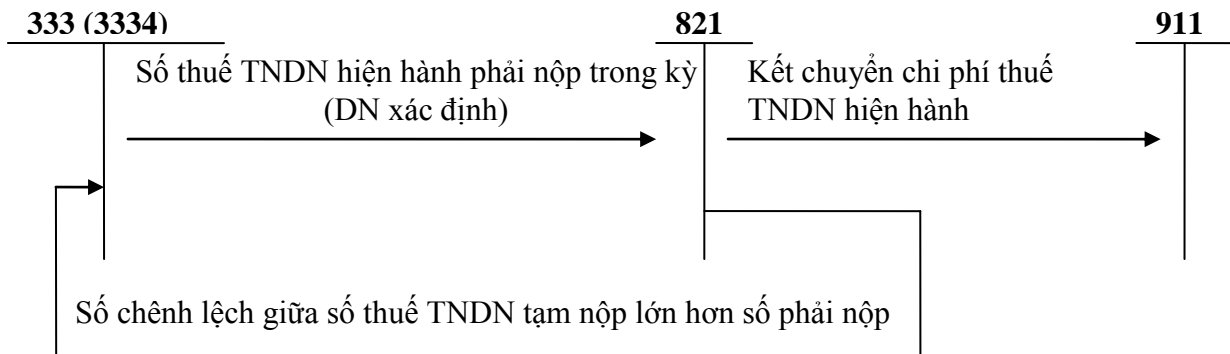


1.4.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ liên quan khác
- Tài khoản sử dụng: tài khoản 821 “ chi phí thuế TNDN”
 Tài khoản 8211: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Phương pháp hạch toán:

SƠ ĐỒ 1.8:

KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
 (Theo quyết định 48/2006QĐ- BTC)



1.4.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Chứng từ sử dụng :Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng: tài khoản 911 “ xác định kết quả kinh doanh “
- Phương pháp hạch toán

SƠ ĐỒ 1.9:
KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
 (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



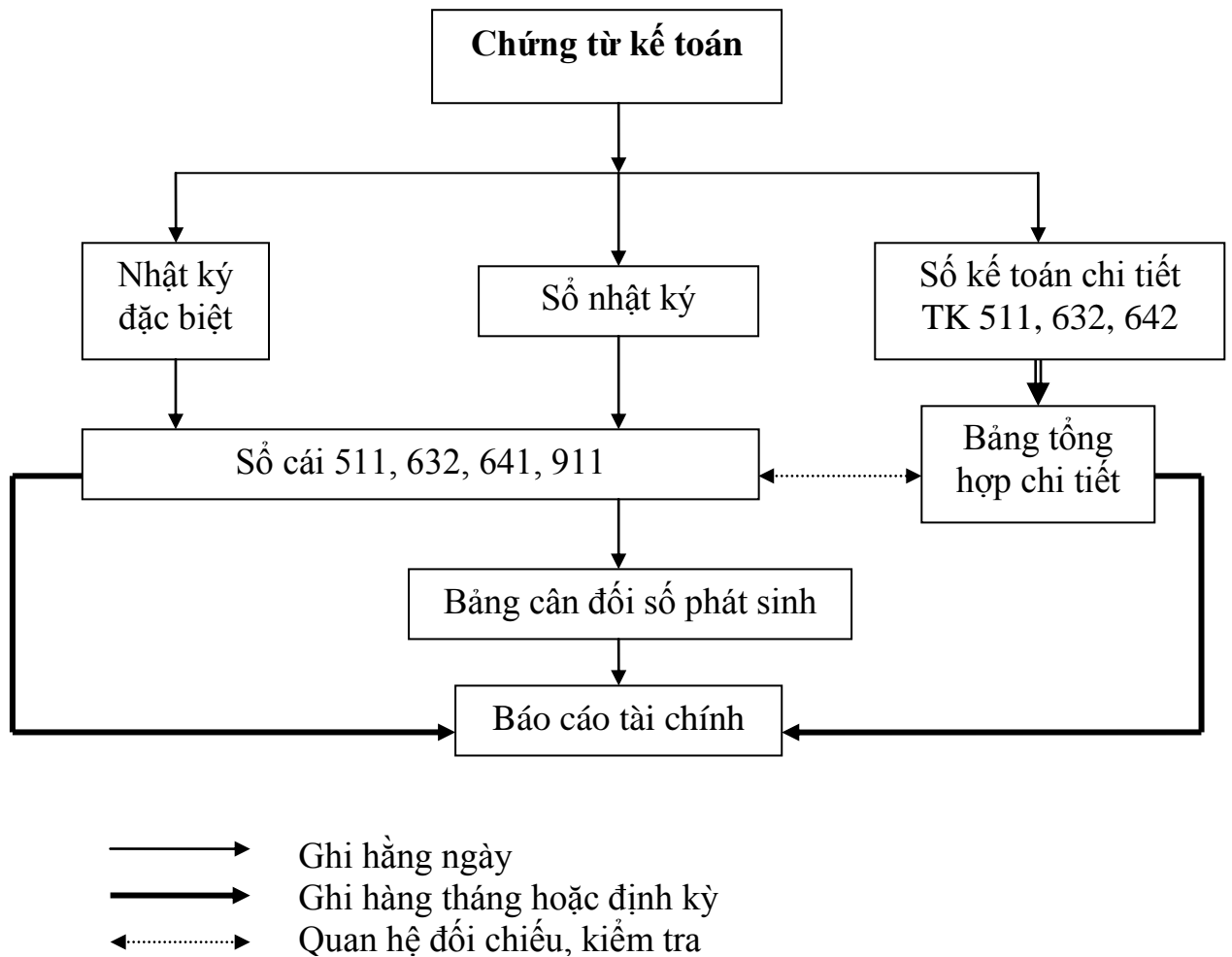
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Hình thức nhật kí chung

Đặc trưng cơ bản: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi nhận vào sổ nhật kí, mà trọng tâm là sổ nhật kí chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật kí để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Các loại sổ chủ yếu:
 - Sổ nhật kí chung, sổ nhật kí đặc biệt
 - Sổ cái
 - Các sổ kế toán chi tiết

- Sơ đồ 1.10. Trình tự kế toán theo hình thức nhật kí chung



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó ghi vào sổ cái theo các tài khoản phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật kí chung các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối kỳ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng giữa sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ HẢI PHÒNG

2.1 *Khái quát chung về công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng*

2.1.1 *Quá trình hình thành và phát triển của công ty*

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
- Tên giao dịch quốc tế: Haiphong handicrafts import export – trading joint stock company
- Tên viết tắt: Handimex – Haiphong
- Trụ sở chính: Số 3 đường Nguyễn Trãi – phường Mái Tơ – quận Ngô Quyền – thành phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200762118
- Ngày đăng kí thuế: 29/9/2007
- Điện thoại: 031.3286840
- Vốn điều lệ: 1.200.000.000 đồng

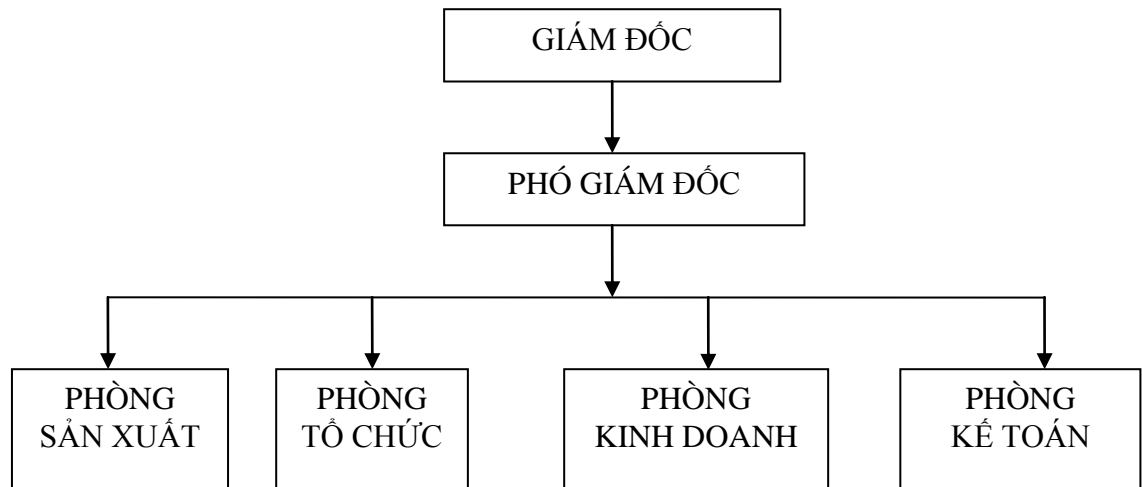
2.1.2 *Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty*

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng là một doanh nghiệp mới, kinh doanh chủ yếu những mặt hàng thủ công mỹ nghệ như :

- Túi xách tay làm từ sợi giấy (AD-160)
- Túi xách tay làm từ sợi mây (AD-170)
- Túi xách tay làm từ sợi mây (LS-40)
- Túi xách tay làm từ sợi mây (CP-240)
- Giỏ hoa làm từ sợi mây (FD-120)
- Giỏ xách tay làm từ sợi mây (FD-240)
- ...

2.1.3 *Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lí*

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận

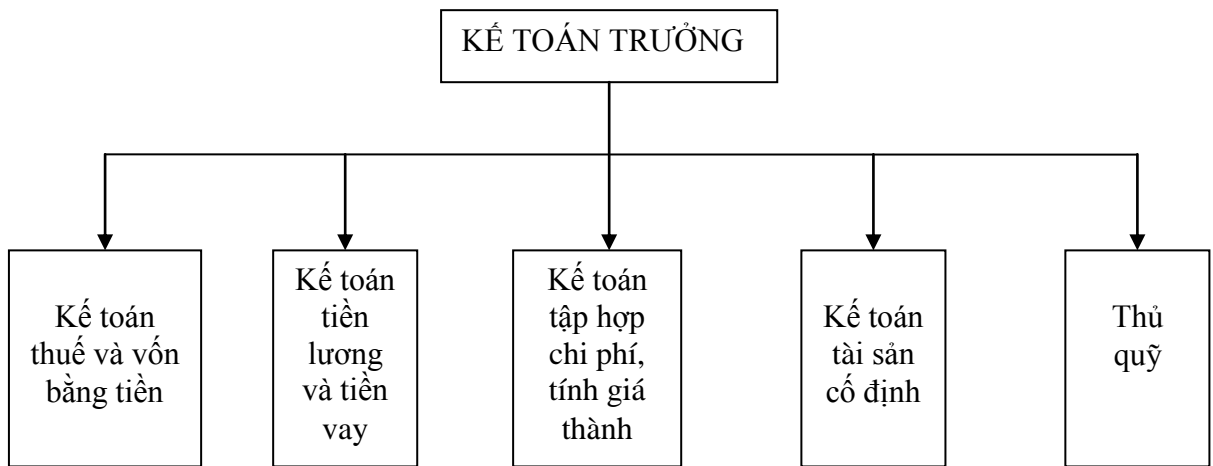
- ☞ *Giám đốc*: Là đại diện pháp nhân cho công ty trong các giao dịch với các đối tác của công ty, là người đứng đầu công ty có trách nhiệm quản lý điều hành các hoạt động thông qua trưởng phòng các bộ phận
- ☞ *Phó giám đốc*: Hỗ trợ giám đốc trong công việc, thay thế giám đốc khi giám đốc đi vắng trong việc điều hành công ty.
- ☞ *Phòng tổ chức*: Chịu trách nhiệm về tổ chức hành chính, tổ chức các giao dịch đối nội, đối ngoại.
- ☞ *Phòng kinh doanh*: Có trách nhiệm tiếp thị sản phẩm của công ty tới tay người tiêu dùng.
- ☞ *Phòng kế toán*: Là cơ quan tham mưu cho giám đốc về tài chính, kế toán đảm bảo phản ánh chính xác, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, giúp giám đốc nắm bắt tình hình tài chính cụ thể của công ty để đưa ra quyết định đúng đắn.
- ☞ *Phòng sản xuất*: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, xác lập và thống nhất áp dụng các chỉ tiêu định mức của các loại hình sản xuất kinh doanh trong toàn công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2:

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung

- ☞ *Kế toán trưởng*: Chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc về toàn bộ công tác tài chính kế toán của công ty như: Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán gọn nhẹ, phù hợp với tính chất sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lí, tổ chức lập đầy đủ và nộp đúng hạn các báo cáo kế toán theo đúng quy định, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ kế toán bảo vệ tài sản, tiền vốn trong công ty.
- ☞ *Kế toán vốn bằng tiền và kế toán thuế*: phụ trách hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, tổng hợp các nghiệp vụ báo cáo thuế.
- ☞ *Kế toán tiền lương và tiền vay*: Theo dõi và tính lương, phụ trách các khoản vay, kế hoạch vay và trả nợ.
- ☞ *Kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành*: tập hợp chi phí, tính giá thành của sản phẩm
- ☞ *Kế toán tài sản cố định*: phụ trách theo dõi biến động tăng giảm TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao.
- ☞ *Thủ quỹ*: quản lý tiền mặt tại quỹ, theo dõi việc xuất nhập tiền mặt.

2.1.4.2 Hình thức kế toán, chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại công ty

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng

- Bảng cân đối kế toán (mẫu B01-DNN)

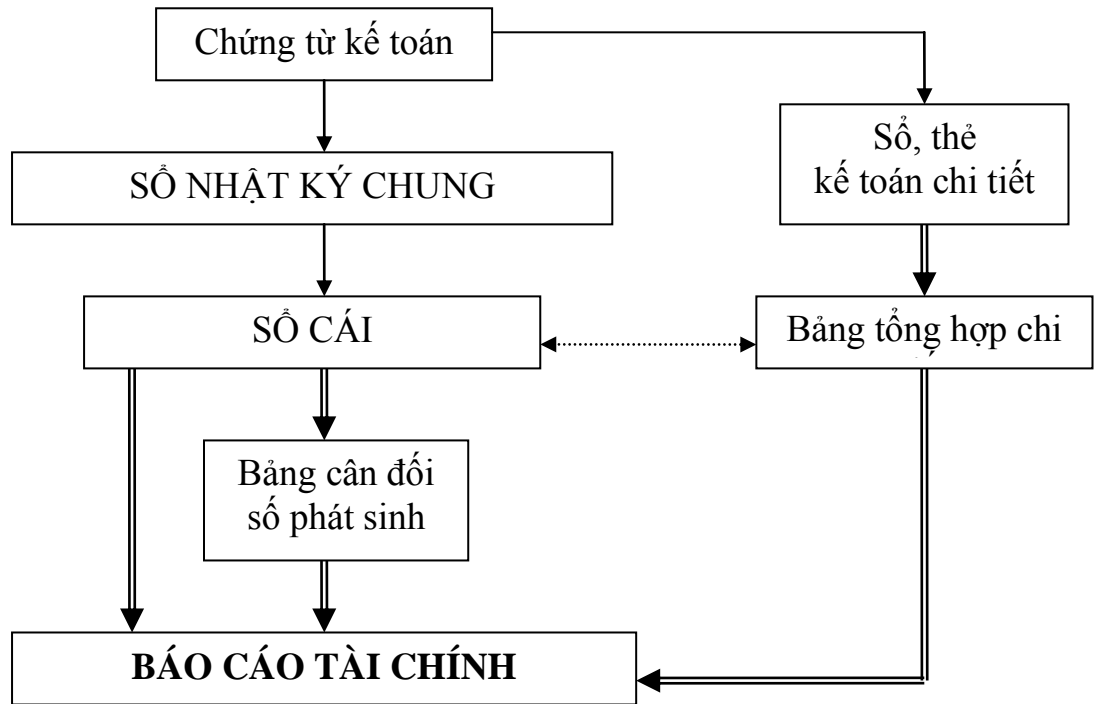
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu B02-DNN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DNN)

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải phòng áp dụng chế độ kế toán vừa và nhỏ ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC của bộ tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước-xuất trước.
- Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch, kỳ kế toán được quy định là một năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.
- Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung

Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật kí chung được khái quát bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



GHI CHÚ

- Ghi hằng ngày →
- Ghi cuối kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Cuối kì cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính. Về nguyên tắc tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ kế toán.

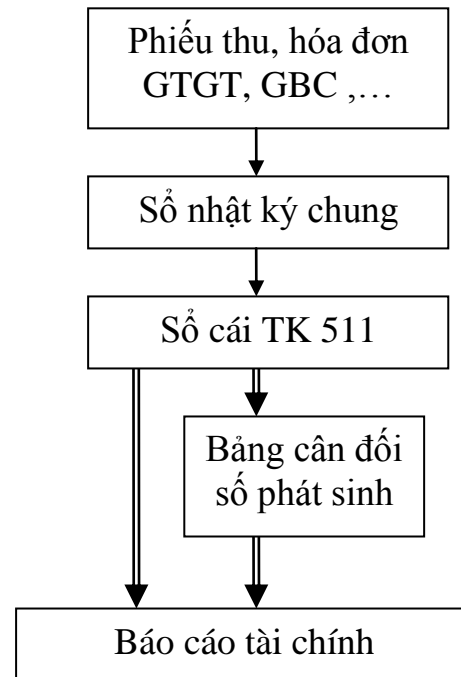
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ hải phòng.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.

- Phương thức bán hàng: trực tiếp
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt và chuyển khoản
- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT, Hóa đơn xuất khẩu
 - Hợp đồng kinh tế
 - Phiếu thu
 - Giấy báo có
 - Các chứng từ có liên quan
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Sơ đồ 2.4 :

Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP thương mại XNK thủ công mỹ nghệ HP



GHI CHÚ

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ⇨

Hàng ngày căn cứ vào Hóa đơn GTGT, chứng từ thanh toán kế toán ghi vào sổ nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật kí chung để ghi vào sổ cái tài khoản 511. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

➤ Ví dụ minh họa:

Ngày 15/12/2014, kế toán bán hàng cho công ty TNHH ASTY Việt Nam chưa thu tiền. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000141 (Biểu số 2.1), kế toán tiến hành ghi sổ Nhật kí chung (Biểu số 2.2), từ sổ nhật kí chung ghi vào sổ Cái tài khoản 511 (Biểu số 2.3). Cuối kỳ, từ sổ cái lập bảng cân đối phát sinh, từ bảng cân đối phát sinh và sổ cái lập báo cáo tài chính.

Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
12/12	PC14/12	Mua vật liệu của DN tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	11.500.000 1.150.000	 11.500.000 1.150.000
	
14/12	PC15/12	Mua vật liệu của Dn tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	9.500.000 950.000	 9.500.000 950.000
15/12	HĐ0000141	Bán hàng cho công ty TNHH ASTY Việt Nam	131 511	146.061.000	146.061.000
15/12	HĐ0000142	Bán hàng cho công ty TNHH KOKUYO	131 511	148.750.000	148.750.000
		Cộng phát sinh		4.515.363.419	4.515.363.419

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2: Sổ Nhật kí chung

Công ty CP Thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật Kí chung

Từ ngày: 01/01/2014 đến ngày: 31/12/2014

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kì			
		Số phát sinh			
	
HĐ0 0001 28	12/12	Bán cho công ty cổ phần Thành Lộc	131		17.500.000
HĐ0 0001 29	12/12	Bán cho công ty cổ phần Thành Lộc	131		12.750.000
	
HĐ0 0001 41	15/12	Bán hàng cho công ty ASTY Việt nam	131		146.061.000
HĐ0 0001 42	15/12	Bán cho công ty TNHH KOKUYO	131		148.750.000
	
PKT 61	31/12	k/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	3.225.779.735	
		Cộng phát sinh		3.225.779.735	3.225.779.735
		Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

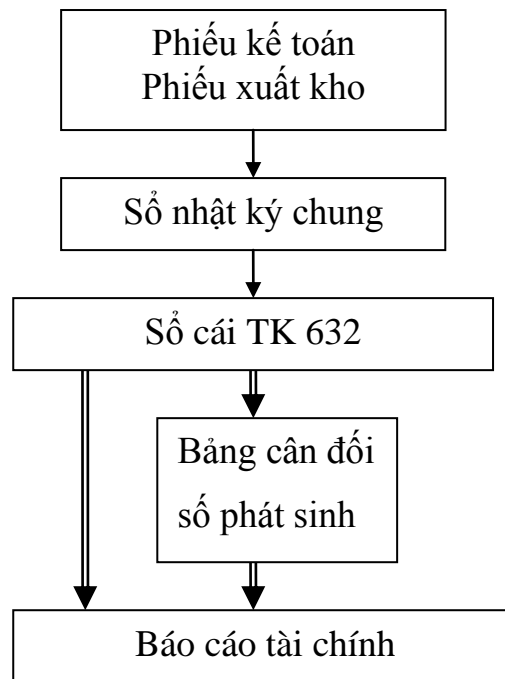
Biểu số 2.3: Sổ cái TK 511

2.2.2 *Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.*

- Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho, các chứng từ có liên quan...
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 “ giá vốn hàng bán “
- Phương pháp tính giá vốn: Công ty tính giá vốn theo phương pháp nhập trước- xuất trước.

Sơ đồ 2.5 :

Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Hải phòng



GHI CHÚ

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối kỳ \Longrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào sổ Nhật kí chung. Từ sổ nhật kí chung, kế toán ghi chép nghiệp vụ vào sổ cái tài khoản 632. Cuối kỳ, từ sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 15/12/2014, kế toán bán hàng cho công ty TNHH ASTY Việt Nam.

Kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho (Biểu số 2.4), từ số liệu trên phiếu xuất kho, kế toán ghi vào sổ Nhật kí chung (biểu số 2.5), từ sổ nhật kí chung kế toán ghi vào sổ Cái tài khoản 632 (Biểu số 2.6). Cuối kỳ, từ sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, lập báo cáo tài chính.

Công ty CP TM XNK thủ công mỹ nghệ HP MST: 0200762118 Số 03- đường Nguyễn Trãi- Ngô Quyền- HP				Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập – Tự do – Hạnh phúc		
PHIẾU XUẤT KHO						
Ngày 15 tháng 12 năm 2014				Số: 06/12	Nợ	Có
Họ và tên người nhận hàng: Đỗ Thị Thanh Mai					632	155
Địa chỉ: Phòng kinh doanh						
Xuất tại kho công ty						
STT	Tên nhãn hiệu= QC HH	ĐVT	SL	ĐG	TT	Ghi chú
01	AD-160	Chiếc	220	240.000	52.800.000	
02	AD-170	Chiếc	80	121.300	9.704.000	
03	LS-40	Chiếc	162	126.000	20.412.000	
04	CP-240	Chiếc	120	34.600	4.152.000	
	CỘNG				87.068.000	
Bằng chữ: tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng						
HP ngày 15 tháng 12 năm 2014						
Giám đốc		Kế toán trưởng		Thủ kho		Người nhận

Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho

Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
12/12	PC1 4/12	Mua vật liệu của DN tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	11.500.000 1.150.000	 11.500.000 1.150.000
	
14/12	PC1 5/12	Mua vật liệu của DN tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	9.500.000 950.000	 9.500.000 950.000
15/12	HĐ0 0001 41	Bán hàng cho công ty TNHH ASTY Việt Nam	131 511	146.061.000	146.061.000
15/12	PX0 6/12	Giá vốn hàng bán	632 155	87.068.000	87.068.000
15/12	HĐ0 0001 42	Bán hàng cho công ty TNHH KOKUYO	131 511	148.750.000	148.750.000
	
		Cộng phát sinh		4.515.363.419	4.515.363.419

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Nhật ký chung

Công ty CP Thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật Kí chung)
Từ ngày: 01/01/2014 đến ngày: 31/12/2014
Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
	
09/12	PX03 /12	Giá vốn hàng bán	155	15.590.000	
12/12	PX04 /12	Giá vốn hàng bán	155	43.920.000	
15/12	PX06 /12	Giá vốn hàng bán	155	87.068.000	
	
31/12	PKT 62	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		2.118.126.725
		Cộng phát sinh		2.118.126.725	2.118.126.725
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ky, họ tên)

Kế toán trưởng
(ky, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

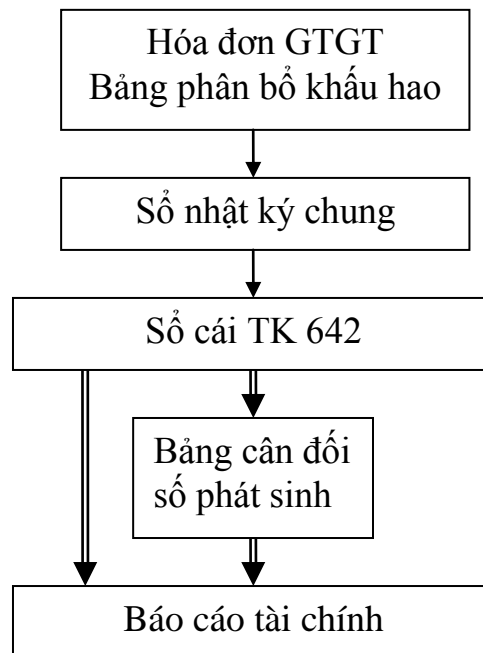
Biểu số 2.6: Sổ Cái TK 632

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
 - Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
 - Phiếu chi
 - Bảng thanh toán lương
 - Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng : Tài khoản 642 “ chi phí quản lý kinh doanh”
- Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.6 :

Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty CP thương mại XNK thủ công mỹ nghệ HP



GHI CHÚ

Ghu hàng ngày —————>

Ghi cuối kỳ ==>

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, ... kế toán ghi vào sổ nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật kí chung để ghi vào sổ cái tài khoản 642. Từ sổ cái ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Cuối kỳ từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh lập báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ minh họa**

Ngày 20/12/2014, mua văn phòng phẩm của công ty TNHH dịch vụ thương mại Nam Á, thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0005184 (Biểu số 2.7) kế toán tiến hành lập phiếu chi số 21/12 (Biểu số 2.8). Từ phiếu chi và hóa đơn GTGT kế toán vào sổ Nhật kí chung (Biểu số 2.9), từ sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái tài khoản 642 (Biểu số 2.10). Từ sổ cái ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Cuối kỳ, từ bảng cân đối số phát sinh và sổ cái tài khoản 642 lập báo cáo tài chính.

**Công ty CP thương mại xuất nhập
khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng**
Số 3- Nguyễn Trãi- Ngô Quyền-HP

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: 21/12

Ngày 20 tháng 12 năm 2013

TK ghi nợ: 642

Nợ 133

TK ghi có: 111

Người nhận tiền: **Nguyễn Thị Thanh**

Địa chỉ: **Phòng tài chính – kế toán**

Lý do chi: **mua văn phòng phẩm**

Số tiền: **545.000 đồng**

Viết bằng chữ: Năm trăm bốn mươi năm ngàn đồng

Kèm theo: 01

Chứng từ gốc:

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Giám đốc
(ký, đóng dấu)

**Kế toán
trưởng**
(ký, họ tên)

**Thủ
quỹ**
(ký, họ
tên)

**Người lập
phiếu**
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Biểu số 2.8 : Phiếu chi số 21/12

Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
12/12	PC14/12	Mua vật liệu của DN tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	11.500.000 1.150.000	 11.500.000 1.150.000
14/12	PC15/12	Mua vật liệu của DN tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	9.500.000 950.000	 9.500.000 950.000
15/12	HĐ0000141	Bán hàng cho công ty TNHH ASTY Việt Nam	131 511	146.061.000	146.061.000
16/12	HĐ0000142	Bán hàng cho công ty TNHH KOKUYO	131 511	148.750.000	148.750.000
	
20/12	PC21/12	Mua văn phòng phẩm của công ty TNHH dịch vụ thương mại Nam Á	642 111 133 111	495.455 49.545	495.455 49.545
	
		Cộng phát sinh		4.515.363.419	4.515.363.419

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)
dấu)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng)

Biểu số 2.9: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP Thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật Ký chung

Từ ngày: 01/01/2014 đến ngày: 31/12/2014

Tài khoản 642: Chi phí quản lí kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kì			
		Số phát sinh			
PC21/12	20/12	Mua văn phòng phẩm	111	495.455	
PC22/12	21/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	4.500.000	
PC23/12	22/12	Thanh toán tiền thuê xe ô tô cho cán bộ đi công tác	111	2.000.000	
BPB KH	31/12	Phân bổ khấu hao	214	37.355.840	
.....
PKT 63	31/12	Kết chuyển chi phí quản lí kinh doanh	911		374.599.723
		Cộng phát sinh		374.599.723	374.599.723
		Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ky, họ tên)

Kế toán trưởng
(ky, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Sổ cái tài khoản 642

2.2.4 *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty*

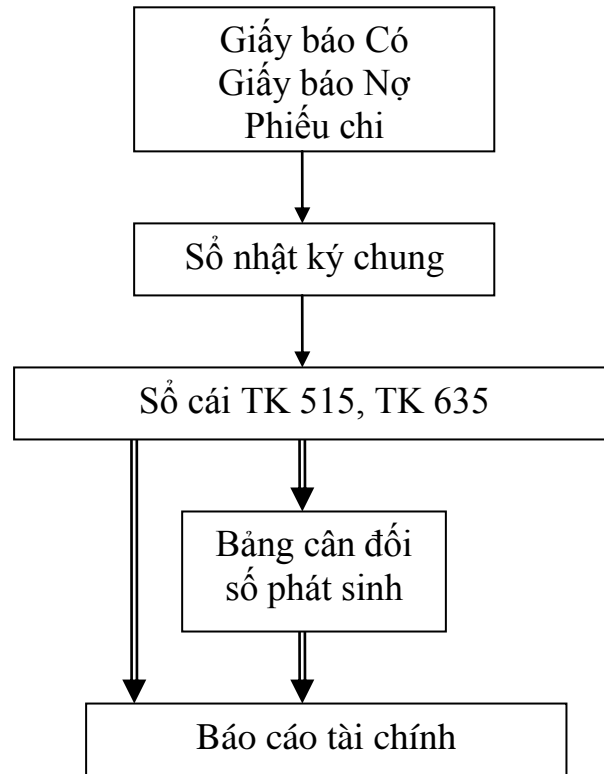
- Nội dung của doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải phòng

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

- Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo có
 - Giấy báo nợ
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ liên quan khác
- Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 515 “doanh thu hoạt động tài chính”
 - Tài khoản 635 “chi phí tài chính”

Sơ đồ 2.7:

Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP thương mại XNK thủ công mỹ nghệ HP



GHI CHÚ

Ghi hàng ngày \longrightarrow


Ghi cuối kỳ \Longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như giấy báo có, báo nợ của ngân hàng, phiếu chi, ... kế toán tiến hành ghi số liệu vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 515, tài khoản 635. Cuối kỳ, từ sổ cái tài khoản 515 và tài khoản 635 ghi vào bảng cân đối phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh và sổ cái lập báo cáo tài chính.

➤ Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2013, Ngân hàng ACB chi nhánh Duyên Hải trả lãi tiền gửi tháng 12, số tiền 1.699.334 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Duyên Hải (Biểu số 2.11), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12), và sổ cái tài khoản 515 (Biểu số 2.13). Cuối kỳ, từ sổ cái tài khoản 515 lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh và các sổ cái tài khoản 515 lập báo cáo tài chính.

	Mã GDV:APP
	Mã KH:10912
<h1>GIẤY BÁO CÓ</h1>	
	Số GD:
	Số:
<p>Ngày 31/12/2014</p>	
<p>Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ HẢI PHÒNG</p>	
<p>Mã số thuế: 0200762118</p>	
<p>Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:</p>	
<p>Số tài khoản ghi có: 31819969</p>	
<p>Số tiền bằng số: 1.699.334</p>	
<p>Số tiền bằng chữ: một triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn ba trăm ba mươi tư đồng</p>	
<p>Nội dung thanh toán: lãi tiền gửi tháng 12 năm 2014</p>	
<p>Giao dịch viên</p>	<p>Kiểm soát</p>

Biểu số 2.11: Giấy báo có

Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 Nguyễn Trãi – Ngô Quyền – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
12/12	PC14/12	Mua vật liệu của DN tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	11.500.000 1.150.000	 11.500.000 1.150.000
	
14/12	PC15/12	Mua vật liệu của DN tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	9.500.000 950.000	 9.500.000 950.000
15/12	HĐ0000141	Bán hàng cho công ty TNHH ASTY Việt Nam	131 511	146.061.000	146.061.000
15/12	HĐ0000142	Bán hàng cho công ty TNHH KOKUYO	131 511	148.750.000	148.750.000
...
20/12	PC21/12	Mua văn phòng phẩm công ty TNHH dịch vụ thương mại Nam Á	642 111 133 111	495.455 49.545	 495.455 49.545
31/12	GBC	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB chi nhánh HP	112 515	1.699.334	1.699.334
		Cộng phát sinh		4.515.363.419	4.515.363.419

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP Thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật Kí chung
Từ ngày: 01/01/2014 đến ngày: 31/12/2014
Tài khoản 515 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kì			
		Số phát sinh			
GBC	30/09	Thu lãi tiền gửi ngân hàng ACB chi nhánh Duyên Hải tháng 9	112		937.518
GBC	31/10	Thu lãi tiền gửi ngân hàng ACB chi nhánh Duyên Hải tháng 10	112		1.237.875
...
GBC	31/12	Thu lãi tiền gửi ngân hàng ACB chi nhánh Duyên Hải tháng 12	112		1.699.334
PKT 64	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	11.250.225	
		Cộng phát sinh		11.250.225	11.250.225
		Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)


Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Sổ cái tài khoản 515

➤ Ví dụ minh họa :

Ngày 31/12/2014 nhận được giấy báo nợ của ngân hàng ACB chi nhánh HP về lãi tiền vay tháng 12 năm 2014.

Căn cứ vào Giấy báo nợ (Biểu số 2.14), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.15), từ số liệu sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản 635 (Biểu số 2.16). Cuối kỳ, từ sổ cái tài khoản 635 lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh và sổ cái tài khoản 635 lập báo cáo tài chính.

	Mã GDV: APP
	Mã KH: 10912
GIẤY BÁO NỢ	
Ngày 31/12/2014	Số GD:
	Số:
<p>Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ HẢI PHÒNG</p>	
Mã số thuế: 0200762118	
<p>Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:</p>	
Số tài khoản ghi nợ:	31819969
Số tiền bằng số:	14.025.000
Số tiền bằng chữ: Mười bốn triệu không trăm hai mươi năm nghìn đồng	
Nội dung: trả lãi tiền vay tháng 12 năm 2014	
Giao dịch viên	Kiểm soát

Biểu số 2.14: Giấy báo nợ

khâu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

(Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Sổ trang trước chuyển sang	
12/12	PC14/12	Mua vật liệu của Dn tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	11.500.000 1.150.000	11.500.000 1.150.000
	
14/12	PC15/12	Mua vật liệu của DN tư nhân sản xuất hàng thủ công Tây An	152 111 133 111	9.500.000 950.000	9.500.000 950.000
15/12	HĐ0000141	Bán hàng cho công ty TNHH ASTY Việt Nam	131 511	146.061.000	146.061.000
15/12	HĐ0000142	Bán hàng cho công ty TNHH KOKUYO	131 511	148.750.000	148.750.000
...
31/12	GBN	Trả lãi tiền vay tháng 12 ngân hàng ACB	635 112	14.025.000	14.025.000
		Cộng phát sinh		4.515.363.419	4.515.363.419

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP Thương mại xuất nhập **Mẫu số S03b-DNN**

khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật Kí chung

Từ ngày: 01/01/2014 đến ngày: 31/12/2014

Tài khoản 635: chi phí tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kì			
		Số phát sinh			
	
GBN	30/11	Trả lãi tiền vay tháng 11 ngân hàng ACB chi nhánh Duyên Hải	112	5.000.000	
GBN	31/12	Trả lãi tiền vay tháng 12 ngân hàng ACB chi nhánh Duyên Hải	112	14.025.000	
PKT 65	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		29.455.000
		Công phát sinh		29.455.600	29.455.600
		Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ky, họ tên)

Kế toán trưởng
(ky, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

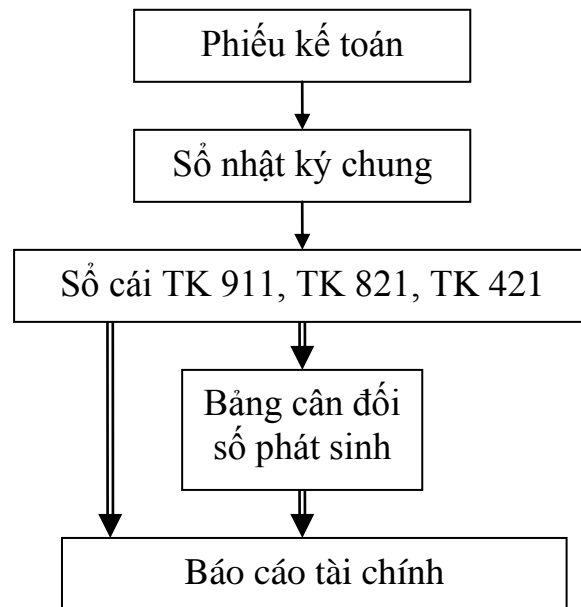
Biểu số 2.16: Sổ cái tài khoản 635

2.2.5 *Kế toán xác định kết quả kinh doanh*

- Cuối kỳ kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh, sang tài khoản 911. Đồng thời xác định thuế TNDN phải nộp, kết chuyển lãi lỗ
- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 911 “ xác định kết quả kinh doanh
 - Tài khoản 8211 “ chi phí thuế TNDN hiện hành “
 - Tài khoản 3334 “ thuế TNDN “
 - Tài khoản 421 “ lợi nhuận chưa phân phối “
- Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.8:

Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thương mại XNK thủ công mỹ nghệ HP



GHI CHÚ

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối kỳ \Longrightarrow

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán ghi vào nhật ký chung, căn cứ vào số liệu nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản 911, 821, 421. Cuối kỳ, từ sổ cái tài khoản 911, 821,

421 kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ minh họa:** Xác định kết quả kinh doanh năm 2014

Ngày 31/12/2014 kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định thuế TNDN phải nộp và kết chuyển lãi.

Căn cứ vào các phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.17), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản 911 (Biểu số 2.18), tài khoản 421 (Biểu số 2.19), sổ cái tài khoản 821 (Biểu số 2.20). Cuối kỳ, từ sổ cái 911,421 kê toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 61

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		3.225.779.735	
	911			3.225.779.735
Cộng			3.225.779.735	3.225.779.735

Bằng chữ: Ba tỉ hai trăm hai mươi năm triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm ba năm đồng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 62

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển giá vốn	911		2.118.126.725	
	632			2.118.126.725
Cộng			2.118.126.725	2.118.126.725

Bằng chữ: Hai tỉ một trăm mười tám triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm hai năm đồng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 63

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển chi phí quản lí kinh doanh	911		374.599.723	
	642			374.599.723
Cộng			374.599.723	374.599.723

Bảng chữ: Ba trăm bảy mươi tư triệu năm trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 64

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu từ hoạt động tài chính	515		11.250.225	
	911			11.250.225
Cộng			11.250.225	11.250.225

Bảng chữ: Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn hai trăm hai năm đồng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 65

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển chi phí tài chính	911		29.455.600	
	635			29.455.600
Cộng			29.455.600	29.455.600

Bảng chữ: hai chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm đồng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 66

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	821		157.272.481	
	3334			157.272.481
Cộng			157.272.481	157.272.481

Bảng chữ: một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm tám một đồng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 67

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp	911		157.272.481	
	821			157.272.481
Cộng			157.272.481	157.272.481

Bảng chữ: một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm tám một đồng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 68

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		557.602.431	
	421			557.602.431
Cộng			557.602.431	557.602.431

Bảng chữ: Năm trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm ba mươi một đồng.

Công ty CP thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC)
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang			
	
31/12	PKT 61	K/c DTT từ BH và cung cấp dịch vụ	511 911	3.225.779.735	3.225.779.735
31/12	PKT 62	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	2.118.126.725	2.118.126.725
31/12	PKT 63	Kết chuyển chi phí quản lí kinh doanh	911 642	374.599.723	374.599.723
31/12	PKT 64	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	11.250.225	11.250.225
31/12	PKT 65	Kết chuyển chi phí tài chính	911 635	29.455.600	29.455.600
31/12	PKT 66	Xác định thuế TNDN	821 3334	157.272.481	157.272.481
31/12	PKT 67	Kết chuyển CP thuế TNDN	911 821	157.272.481	157.272.481
31/12	PKT 68	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	557.602.431	557.602.431
		Cộng phát sinh		4.515.363.419	4.515.363.419

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Sổ nhật ký chung

Công ty CP Thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC)
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật Kí chung)
Từ ngày: 01/01/2014 đến ngày: 31/12/2014
Tài khoản 911: xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kì			
		Số phát sinh			
PKT 61	31/12	K/c DTT từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		3.225.779.735
PKT 62	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	2.118.126.725	
PKT 63	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	374.599.723	
PKT 64	31/12	Kết chuyển doanh thu từ hoạt động tài chính	515		11.250.225
PKT 65	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	29.455.600	
PKT 67	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	157.272.481	
PKT 68	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	557.602.431	
		Cộng phát sinh		3.237.029.960	3.237.029.960
		Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Sổ cái tài khoản 911

Công ty CP Thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC)
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật Kí chung)

Từ ngày: 01/01/2014 đến ngày: 31/12/2014

Tài khoản 821: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kì			
		Số phát sinh			
PKT 66	31/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3334	157.272.481	
PKT 67	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		157.272.481
		Cộng phát sinh		157.272.481	157.272.481
		Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ky, họ tên)

Kế toán trưởng
(ky, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.19: Sổ cái tài khoản 821

Công ty CP Thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC)
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật Kí chung
Từ ngày: 01/01/2014 đến ngày: 31/12/2014
Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kì			577.879.312
		Số phát sinh			
PKT 68	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911		557.602.431
		Cộng phát sinh		0	1.135.481.743
		Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ky, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Sổ cái tài khoản 421

Mẫu số: B-02/DNN
(Ban hành theo quyết định số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014**

Người nộp thuế: Công ty cổ phần thương mại XNK thủ công mỹ nghệ Hải Phòng

Mã số thuế: 0200762118

Địa chỉ trụ sở: số 3, đường Nguyễn Trãi, phường Mái Tơ

Quận huyện: Ngô Quyền

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Điện thoại: 0313.826840

Fax: 0313.652768

Email: HANDIMEX@VNN.VN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm trước	Số năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	2.719.444.642	3.225.779.735
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.719.444.642	3.225.779.735
4	Giá vốn hàng bán	11		1.860.820.544	2.118.126.725
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		858.624.098	1.107.653.010
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		9.649.941	11.250.225
7	Chi phí tài chính	22			29.455.600
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		298.479.672	374.599.723
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		569.794.367	714.847.912
10	Thu nhập khác	31		7.243.503	
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		7.243.503	
13	Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	557.037.870	714.874.912
14	Chi phí thuế TNDN	51		126.948.331	157.272.481
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		450.089.539	575.602.431

Lập ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ HẢI PHÒNG

3.1 Đánh giá ưu nhược điểm trong tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.

3.1.1 Kết quả đạt được

✧ Về tổ chức bộ máy kế toán

- + Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu công việc của công ty và trình độ chuyên môn của từng người.
- + Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Chính vì vậy nên tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu những gian lận, sai sót.

✧ Về chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ

- + Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ.
- + Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- + Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận.
- + Kế toán phần hành nào thì lưu giữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tác phân công, phân nhiệm rõ ràng.
- + Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lý giữa các khâu. Kế toán Công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng và kịp thời.

✧ Về hệ thống tài khoản sử dụng

- + Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC.

☆ **Về hệ thống sổ sách**

- + Công ty áp dụng hình thức ghi sổ là Nhật kí chung, hình thức này khá đơn giản lại phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của công ty.
- + Với sự lựa chọn này, công ty đã mở một hệ thống sổ sách hoàn chỉnh, có độ tin cậy cao, đảm bảo sự chính xác trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực tế của đơn vị, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lí và cung cấp thông tin một cách có hiệu quả.
- + Công ty sử dụng hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và Sổ chi tiết cho một số tài khoản, để phản ứng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

☆ **Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

+ Về công tác tổ chức kế toán doanh thu:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Về công tác kế toán chi phí:

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lí luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn tìm cách đề quản lí chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình của công ty.

3.1.2 *Hạn chế*

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn nhiều tồn tại và bất cập cần khắc phục. Cụ thể:

- **Thứ nhất: Về tài khoản sử dụng**

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 511, tài khoản 632, tài khoản 642 dẫn đến việc kho theo dõi doanh thu giá vốn của từng mặt hàng và các yếu tố chi phí phát sinh liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh.

- **Thứ hai; Về sổ sách sử dụng**

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng chưa mở sổ chi tiết bán hàng nên khó theo dõi doanh thu cho từng mặt hàng.

- **Thứ ba: Về chính sách bán hàng**

Hiện nay công ty chưa có chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua với số lượng lớn cũng như chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng khi thanh toán trước hạn. Điều này ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của công ty, không có cơ hội hút thêm nhiều khách hàng mới. Gây ảnh hưởng tới khả năng thu hồi vốn nhanh, vòng quay luân chuyển vốn lưu động và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Thứ tư: Về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán**

Công ty vẫn chưa có phần mềm riêng của mình nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực và công sức... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên excel. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty

- **Thứ năm: Về việc giao nhận chứng từ**

Hiện nay công ty chưa có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ dẫn đến việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không thể quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

3.2.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi thì cần đáp ứng các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với các đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.
- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2 *Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.*

☆ **Hoàn thiện tài khoản sử dụng.**

Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho các tài khoản 511, tài khoản 632, tài khoản 642.

Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 511 như sau:

Tài khoản 5112: “Doanh thu bán thành phẩm”

- + TK 5112.1: Doanh thu bán túi xách tay làm từ sợi giấy (AD-160)
- + TK 5112.2: Doanh thu bán túi xách tay làm từ sợi mây (AD-170)
- + TK 5112.3: Doanh thu bán túi xách tay làm từ sợi mây (LS-140)
- + TK 5112.4: Doanh thu bán túi xách tay làm từ sợi mây (CP-240)
- + TK 5112.5: Doanh thu bán giỏ hoa làm từ sợi mây (FD-120)
- + TK 5112.6: Doanh thu bán giỏ xách tay làm từ sợi mây (FD-240)

...

Tài khoản chi tiết cho tài khoản 632 là:

- + TK 632.1: Giá vốn túi xách tay làm từ sợi giấy (AD-160)
- + TK 632.2: Giá vốn túi xách tay làm từ sợi mây (AD-170)
- + TK 632.3: Giá vốn túi xách tay làm từ sợi mây (LS-40)
- + TK 632.4: Giá vốn túi xách tay làm từ sợi mây (CP-240)
- + TK 632.5: Giá vốn giỏ hoa làm từ sợi mây (FD-120)
- + TK 632.6: Giá vốn giỏ xách tay làm từ sợi mây (FD-240)

...

Tài khoản chi tiết cho tài khoản 642: TK 6422; “ Chi phí quản lí doanh nghiệp”

- + Tài khoản 6422.1: chi phí nhân viên quản lí
- + Tài khoản 6422.2: chi phí vật liệu quản lí
- + Tài khoản 6422.3: chi phí đồ dùng văn phòng
- + Tài khoản 6422.4: chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Tài khoản 6422.5: thuế, phí và lệ phí
- + Tài khoản 6422.6: chi phí dự phòng
- + Tài khoản 6422.7: chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6422.8: chi phí bằng tiền khác.

☆ **Hoàn thiện hệ thống sổ sách sử dụng**

- Công ty nên lập các “ Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng mặt hàng. Có như vậy công ty mới nắm được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm, qua đó biết được doanh thu, giá vốn, lãi gộp của từng sản phẩm, để nắm được sản phẩm nào đem lại lợi nhuận cao.
- Bên cạnh việc lập sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết bán hàng vào bảng tổng hợp chi tiết bán hàng theo từng nhóm hàng. Sau đó kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với sổ cái tài khoản 511, để kiểm tra xem số liệu có chính xác và hợp lí không. Việc lập các sổ này sẽ giúp cho công tác quản lí kê toán bán hàng được chặt chẽ và cụ thể hơn.
- Dưới đây em xin cung cấp mẫu sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.1) và mẫu Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng (Biểu số 3.2)
- Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642 tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh nhằm tăng cường công tác quản lí chi phí tại công ty. Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ như sau:
Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.3)
- Công ty cũng nên mở thêm sổ chi tiết giá vốn hàng bán để theo dõi giá vốn cho từng loại mặt hàng. Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu số 3.6) và mẫu bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (Biểu số 3.7)

Đơn vị:
 Địa chỉ:.....

Mẫu số S17-DN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần Giá vốn hàng bán Lãi gộp						

Sổ này có...trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày tháng..... năm

Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:.....			
Địa chỉ:.....			
BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG Tháng ... năm...			
STT	Tên thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	Số phát sinh	
		Nợ	Có
	Cộng		

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày ... tháng... năm

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 3.2 Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng

Đơn vị:
 Địa chỉ:.....

Mẫu số S17-DN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Túi xách tay làm từ sợi giấy (AD-160)

Năm: 2014

Quyển số:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (chiếc)	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...		
15/12	HĐ141	15/12	Bán hàng cho công ty TNHH ASTY VN	131	220	345.500	76.010.000		
15/12	HĐ142	15/12	Bán hàng cho công ty TNHH KOKUKYO	131	100	345.500	34.500.000		
...			
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Sổ này có...trang, đánh số từ 01 đến trang...

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XNK THỦ CÔNG MỸ NGHỆ HP
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền – Hải phòng

Mẫu số S18-DN
(Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK:154,642,142,242,335)

Năm:.....

Tài khoản:

Tên phân xưởng(bộ phận):.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra				
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có					

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày ... tháng... năm...
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XNK THỦ CÔNG MỸ NGHỆ HP
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền – Hải phòng

Mẫu số S18-DN
(Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK:154,642,142,242,335)

Năm: 2014

Tài khoản: 6422-chi phí quản lí doanh nghiệp

Tên phân xưởng(bộ phận):.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	...	6422.2	...	6422.8
20/12	PC21/12	20/12	Mua văn phòng phẩm	111	545.000			545.000		
21/12	PC22/12	21/12	Thoanh toán tiền tiếp khách	111	4.500.000					4.500.000
22/12	PC23/12	22/12	Thanh toán tiền thuê xe ô tô cho cán bộ	111	2.000.000					2.000.000
		
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển chi phí quản lí kinh doanh	911		374.599.723				
			Cộng số phát sinh		374.599.723	374.599.723				

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 3.5: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty CP thương mại XNK thủ công mỹ nghệ Hải Phòng
Số 03 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S17-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN							
Tài khoản: 632							
Tên sản phẩm: Túi xách tay làm từ sợi giấy (AD-160)							
Năm 2014							
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>							
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số lượng	Giá vốn hàng bán		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Đơn giá	Thành tiền	
...
PX 06/12	15/12	Xuất bán cho công ty TNHH ASTY Việt Nam	155	220	240.000	52.800.000	
PX 08/12	15/12	Xuất bán cho công ty TNHH KOKUYO	155	100	240.000	24.000.000	
...
		Cộng					

Biểu số 3.6: sổ chi tiết giá vốn hàng bán

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN
Năm 2014

STT	Số hiệu tài khoản	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
		Cộng			
<p><i>Biểu số 3.7: bảng tổng hợp giá vốn hàng bán</i></p>					

☆ **Áp dụng chiết khấu thanh toán**

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Việc sử dụng chiết khấu thanh toán sẽ giúp cho công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

+ Phương pháp xác định:

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng.

+ Phương pháp hạch toán chiết khấu thanh toán:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635 – “ chi phí hoạt động tài chính”.

Phương pháp hạch toán:

❶ Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, ghi:

Nợ TK 635: chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131

❷ Cuối năm, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 635: chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

☆ **Áp dụng chiết khấu thương mại (đối với lĩnh vực kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ)**

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Hiện nay không có văn bản chính thức nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty. Đồng thời công ty có thể tính toán tỷ lệ chiết khấu đầu vào được hưởng khi mua nhiều để xây dựng chính sách thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

+ Trương hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối

cùng. Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.

- + Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khi thanh toán tiền hàng cho khách hàng doanh nghiệp phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, lập phiếu chi tiền hàng theo đúng quy định cho khách hàng.
- + Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

☆ **Phương pháp hạch toán:**

Tài khoản sử dụng: TK 5211 – chiết khấu thương mại

Phương pháp hạch toán:

Nợ TK 5211: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT tương ứng

Có TK 131,111,112:

Cuối năm, kết chuyển số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211: Chiết khấu thương mại

☆ **Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty**

Khối lượng công việc kế toán tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng còn khá lớn, tuy nhiên công tác kế toán vẫn còn thực hiện thủ công. Công ty nên xem xét việc mua phần mềm kế toán hoặc đặt hàng công ty chuyên viết phần mềm kế toán phù hợp với tình hình của công ty và cài đặt sử dụng. Phần mềm kế toán cung cấp lập tức bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm thời gian và chi phí, nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, nâng cao giá trị thương hiệu trong mắt đối tác, bạn hàng và nhà đầu tư.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như FAST, DMA, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT,... Công ty nên xem xét và quyết định nên mua sử dụng phần mềm kế toán nào phù hợp để hỗ trợ

cho công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

☆ **Về quy trình luân chuyển chứng từ**

Để hạn chế việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy trách nhiệm như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ. Sau đây, e xin đưa ra mẫu phiếu giao nhận chứng từ:

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XNK HẢI PHÒNG
Số 3 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền – HP

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

Biểu số 3.9: Phiếu giao nhận chứng từ

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thú đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Với những kiến thức được trang bị trong qua trình học và quá trình thực tập thực tế tại công ty em đã lựa chọn đề tài này để viết chuyên đề tốt nghiệp của mình và mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Tuy nhiên, do thời gian thực tập và trình độ kiến thức có hạn, trong chuyên đề này em chỉ mới đi vào nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, thực trạng tại công ty. Từ đó, em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cô giáo, thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương cùng các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng cũng như ban lãnh đạo các nhân viên của công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em có thể hoàn thành bài tốt nghiệp khóa luận này

Em xin chân thành cảm ơn!
Sinh viên
Nguyễn Thị Việt Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS Đặng Thị Loan, Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân 2009
2. PGS.TS Nguyễn Văn Nhi, Kế toán tài chính, Nhà xuất bản Tài chính 2007
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản tài chính 2006
4. Tài liệu thực tế tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	8
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	8
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	8
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu	8
1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp.....	10
1.1.3. Kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	12
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	13
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	14
1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	14
1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14
1.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	19
1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	20
1.4.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	22
1.4.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	24
1.4.6. Kế toán chi phí khác và thu nhập khác.....	24
1.4.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	27
1.4.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	27
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	28
CHƯƠNG 2 :	30
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ HẢI PHÒNG	30
2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng	30
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty	30
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	30
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	30
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ hải phòng.	35

2.2.1	<i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.</i>	35
2.2.2	<i>Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.</i>	40
2.2.3	<i>Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty.</i>	44
2.2.5	<i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	57
CHƯƠNG 3		66
HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ HẢI PHÒNG		67
3.1	<i>Đánh giá ưu nhược điểm trong tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.</i>	67
3.1.1	<i>Kết quả đạt được</i>	67
3.1.2	<i>Hạn chế</i>	68
3.2	<i>Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.</i>	69
3.2.1	<i>Nguyên tắc của việc hoàn thiện:</i>	69
3.2.2	<i>Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hải Phòng.</i>	70